

Số: 22/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2026/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1997.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Đồng Hữu H, sinh năm 1999.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị T và anh Đồng Hữu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Đồng Hữu H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Đồng Hữu H có 01 (một) con chung là Đồng Thị Phương N, sinh ngày 19/9/2020 (con khỏe mạnh và phát triển hoàn toàn bình thường). Ly hôn chị Nông Thị T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đồng Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đồng Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi

con chung Đồng Thị Phương N, sinh ngày 19/9/2020 với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 20 hàng tháng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2.3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Áp dụng khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nông Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 000014725728 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên; trả lại cho chị Nông Thị Thúy 1 (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn còn lại. Anh Đồng Hữu H phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- Đương sự;
- UBND xã Chợ Đồn (Nơi ĐKKH);
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

**THẨM PHÁN**

Nguyễn Thị Hương Thành

